

TỔNG CÔNG TY KHÍ VIỆT NAM - CÔNG TY CỔ PHẦN
(Thành lập tại nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT**

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2012
đến ngày 30 tháng 6 năm 2012



MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT	3
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT	4 - 5
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT	6
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT	7
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT	8 - 38

TỔNG CÔNG TY KHÍ VIỆT NAM - CÔNG TY CỔ PHẦN

Tòa nhà PV GAS Tower, số 673 đường Nguyễn Hữu Thọ

Xã Phước Kiển, huyện Nhà Bè, thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty Khí Việt Nam - Công ty cổ phần (gọi tắt là “Tổng Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2012 đến ngày 30 tháng 6 năm 2012.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đã điều hành Tổng Công ty trong kỳ và đến ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này gồm:

Hội đồng Quản trị

Bà Nguyễn Thị Lan	Chủ tịch
Ông Vũ Đình Chiến	Phó Chủ tịch
Ông Đỗ Khang Ninh	Thành viên
Ông Phan Quốc Nghĩa	Thành viên
Ông Nguyễn Trung Dân	Thành viên

Ban Tổng Giám đốc

Ông Đỗ Khang Ninh	Tổng Giám đốc
Ông Trần Hưng Hiền	Phó Tổng Giám đốc
Ông Phạm Hồng Lĩnh	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Thanh Nghị	Phó Tổng Giám đốc
Ông Dương Mạnh Sơn	Phó Tổng Giám đốc
Ông Bùi Ngọc Quang	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Quốc Huy	Phó Tổng Giám đốc
Ông Hồ Tùng Vũ	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Mậu Dũng	Phó Tổng Giám đốc

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ hoạt động từ 01 tháng 01 năm 2012 đến 30 tháng 6 năm 2012 phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Tổng Công ty trong kỳ. Trong việc lập các báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Tổng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

TỔNG CÔNG TY KHÍ VIỆT NAM - CÔNG TY CỔ PHẦN

Tòa nhà PV GAS Tower, số 673 đường Nguyễn Hữu Thọ

Xã Phước Kiển, huyện Nhà Bè, thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Tổng Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Tổng Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Tổng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



Đỗ Khang Ninh
Tổng Giám đốc

Ngày 28 tháng 8 năm 2012

Số: 008 /Deloitte-AUDHN-RE

BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Kính gửi: Các Cổ đông
Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Tổng Công ty Khí Việt Nam - Công ty cổ phần

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét bằng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30 tháng 6 năm 2012 cùng với báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2012 đến ngày 30 tháng 6 năm 2012 và thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo (gọi chung là “báo cáo tài chính hợp nhất”) của Tổng Công ty Khí Việt Nam - Công ty cổ phần (gọi tắt là “Tổng Công ty”) từ trang 4 đến trang 38. Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam. Việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất này thuộc trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra Báo cáo kết quả công tác soát xét về báo cáo tài chính hợp nhất này trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi.

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét báo cáo tài chính hợp nhất theo Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam số 910 - Công tác soát xét báo cáo tài chính. Chuẩn mực này yêu cầu công tác soát xét phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo vừa phải rằng báo cáo tài chính không chứa đựng những sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của Tổng Công ty và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính; công tác này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên cũng không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Tổng Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2012 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2012 đến ngày 30 tháng 6 năm 2012 phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

Chúng tôi cũng xin lưu ý người đọc báo cáo tài chính hợp nhất tới các vấn đề sau:

- Như trình bày tại Thuyết minh số 31 phần Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất, thời điểm Tổng Công ty ghi nhận doanh thu bán khí và vận chuyển khí Nam Côn Sơn là thời điểm phát hành hoá đơn theo hướng dẫn tại Công văn số 5110-TC/TCT ngày 16 tháng 5 năm 2003 của Bộ Tài chính. Theo đó, doanh thu và giá vốn của hoạt động bán khí và vận chuyển khí Nam Côn Sơn phát sinh trong tháng 5 và tháng 6 năm 2012 chưa được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất của Tổng Công ty cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2012 đến ngày 30 tháng 6 năm 2012 với số tiền lần lượt là 3.867 tỷ đồng và 2.736 tỷ đồng (doanh thu và giá vốn phát sinh trong tháng 11 và tháng 12 năm 2011 được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất của Tổng Công ty cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2012 đến ngày 30 tháng 6 năm 2012 với số tiền lần lượt là 3.137 tỷ đồng và 2.699 tỷ đồng).
- Như đã trình bày tại Thuyết minh số 24 phần Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất, Tổng Công ty đang phản ánh trên khoản mục phải trả khác phần tăng thêm do điều chỉnh giá bán khí đối với lượng khí đã giao từ ngày 16 tháng 5 năm 2011 đến ngày 31 tháng 3 năm 2012 cho Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - Công ty cổ phần với số tiền 719.334.512.680 đồng để điều tiết hỗ trợ sản xuất cho Nhà máy đạm Cà Mau theo Văn bản số 2732/VPCP-KTN ngày 29 tháng 4 năm 2011 của Văn phòng Chính phủ. Hiện tại, Tổng Công ty đang chờ hướng dẫn của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam để quyết toán số tiền trên.



Khúc Thị Lan Anh
Phó Tổng Giám đốc
Chứng chỉ Kiểm toán viên số Đ.0036/KTV

Thay mặt và đại diện cho

CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM

Ngày 28 tháng 8 năm 2012

Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Tên Deloitte được dùng để chỉ một hoặc nhiều thành viên của Deloitte Touche Tohmatsu Limited, một công ty TNHH có trụ sở tại Anh, và mạng lưới các hãng thành viên - mỗi thành viên là một tổ chức độc lập về mặt pháp lý. Vui lòng xem tại website www.deloitte.com/about để biết thêm thông tin chi tiết về cơ cấu pháp lý của Deloitte Touche Tohmatsu Limited và các hãng thành viên.

Trần Huy Công
Kiểm toán viên
Chứng chỉ Kiểm toán viên số 0891/KTV

TỔNG CÔNG TY KHÍ VIỆT NAM - CÔNG TY CỔ PHẦN

Tòa nhà PV GAS Tower, số 673 đường Nguyễn Hữu Thọ

Xã Phước Kiển, huyện Nhà Bè, thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho kỳ hoạt động từ 01 tháng 01 năm 2012

đến ngày 30 tháng 6 năm 2012

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2012

Mẫu số B 01-DN/HN

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/6/2012	31/12/2011
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+120+130+140+150)	100		25.229.158.483.079	19.228.454.339.267
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	11.909.916.407.311	10.045.200.208.018
1. Tiền	111		2.789.510.199.399	2.469.909.918.705
2. Các khoản tương đương tiền	112		9.120.406.207.912	7.575.290.289.313
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		154.523.200.000	317.329.590.057
1. Đầu tư ngắn hạn	121	5	154.523.200.000	317.329.590.057
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		11.316.948.436.403	6.950.175.738.591
1. Phải thu khách hàng	131		10.240.453.043.668	5.848.359.560.410
2. Trả trước cho người bán	132		564.770.338.030	532.350.611.965
3. Các khoản phải thu khác	135	6	519.517.555.136	576.915.982.111
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(7.792.500.431)	(7.450.415.895)
IV. Hàng tồn kho	140	7	958.327.371.458	1.058.438.475.370
1. Hàng tồn kho	141		1.016.420.327.504	1.116.531.431.416
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(58.092.956.046)	(58.092.956.046)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		889.443.067.907	857.310.327.231
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		120.558.352.766	84.694.771.269
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		327.214.880.175	240.658.682.211
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154	8	7.911.111.883	35.267.267.043
4. Tài sản ngắn hạn khác	158	9	433.758.723.083	496.689.606.708
B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200=210+220+240+250+260)	200		24.778.790.893.250	25.690.247.699.060
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		4.293.313.000	4.271.313.000
1. Phải thu dài hạn khác	218		4.293.313.000	4.271.313.000
II. Tài sản cố định	220		21.127.310.922.954	21.690.932.957.816
1. Tài sản cố định hữu hình	221	10	16.532.954.891.533	16.880.391.593.443
- Nguyên giá	222		28.628.522.705.771	27.455.376.602.037
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(12.095.567.814.238)	(10.574.985.008.594)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	11	194.402.646.155	217.309.123.704
- Nguyên giá	225		233.414.964.033	233.362.226.977
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		(39.012.317.878)	(16.053.103.273)
3. Tài sản cố định vô hình	227	12	269.435.749.496	266.163.593.071
- Nguyên giá	228		283.275.634.451	277.339.154.931
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(13.839.884.955)	(11.175.561.860)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	13	4.130.517.635.770	4.327.068.647.598
III. Bất động sản đầu tư	240		1.101.424.778	-
- Nguyên giá	241		5.653.026.713	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	242		(4.551.601.935)	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		1.038.291.946.373	990.464.441.887
1. Đầu tư vào công ty liên kết	252	15	117.665.942.593	123.325.626.151
2. Đầu tư dài hạn khác	258	17	945.626.003.780	892.138.815.736
3. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		(25.000.000.000)	(25.000.000.000)
V. Tài sản dài hạn khác	260		2.607.793.286.145	3.004.578.986.357
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	18	2.581.443.973.689	2.982.084.940.813
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		6.768.446.143	3.696.280.326
3. Tài sản dài hạn khác	268		19.580.866.313	18.797.765.218
C. LỢI THẾ THƯƠNG MẠI	269	19	658.001.783.291	692.064.922.695
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200+269)	270		50.665.951.159.620	45.610.766.961.022

Các thuyết minh từ trang 8 đến trang 38 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất

TỔNG CÔNG TY KHÍ VIỆT NAM - CÔNG TY CỔ PHẦN

Tòa nhà PV GAS Tower, số 673 đường Nguyễn Hữu Thọ

Xã Phước Kiển, huyện Nhà Bè, thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho kỳ hoạt động từ 01 tháng 01 năm 2012

đến ngày 30 tháng 6 năm 2012

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2012

Mẫu số B 01-DN/HN

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/6/2012	31/12/2011
A. NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)	300		23.282.442.028.229	20.591.723.900.161
I. Nợ ngắn hạn	310		13.959.177.740.754	10.348.754.186.231
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	20	2.682.364.100.545	2.866.904.584.313
2. Phải trả người bán	312		7.283.115.158.510	4.215.277.931.471
3. Người mua trả tiền trước	313		72.028.658.135	20.504.283.485
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	21	816.611.356.032	596.751.265.911
5. Phải trả người lao động	315		149.152.927.800	158.882.685.476
6. Chi phí phải trả	316	22	1.443.583.734.819	1.042.983.577.594
7. Phải trả ngắn hạn nội bộ	317	23	117.340.987.458	45.128.506.078
8. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	24	1.256.516.030.937	1.280.701.753.553
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		138.464.786.518	121.619.598.350
II. Nợ dài hạn	330		9.323.264.287.475	10.242.969.713.930
1. Phải trả dài hạn nội bộ	332	25	44.264.383.269	44.264.383.269
2. Phải trả dài hạn khác	333	26	275.327.675.705	265.905.529.389
3. Vay và nợ dài hạn	334	27	7.701.968.255.977	8.149.810.808.499
4. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		3.594.696.418	3.137.375.655
5. Doanh thu chưa thực hiện	338		151.398.273.753	633.140.614.765
6. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339		1.146.711.002.353	1.146.711.002.353
B. NGUỒN VỐN (400= 410+430)	400		25.736.753.292.524	23.482.279.466.687
I. Vốn chủ sở hữu	410	28	25.734.032.417.357	23.480.353.215.187
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		18.950.000.000.000	18.950.000.000.000
2. Vốn khác của chủ sở hữu	413		30.949.322.304	30.966.515.289
3. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		(75.390.405.860)	(71.056.425.755)
4. Quỹ đầu tư phát triển	417		1.545.432.949.604	357.653.653.654
5. Quỹ dự phòng tài chính	418		464.399.563.825	456.640.566.558
6. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		133.749.266.332	214.429.579.255
7. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		4.684.891.721.152	3.541.719.326.186
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		2.720.875.167	1.926.251.500
1. Nguồn kinh phí	432		645.000.000	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	433		2.075.875.167	1.926.251.500
C. LỢI ÍCH CỐ ĐỒNG THIỂU SỐ	439	30	1.646.755.838.867	1.536.763.594.174
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400+439)	440		50.665.951.159.620	45.610.766.961.022

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

	30/6/2012	31/12/2011
1. Nợ khó đòi đã xử lý (VND)	-	3.394.214.263
2. Ngoại tệ các loại		
USD	7.590.449	4.234.016
EUR	1.635	128



Đỗ Khang Ninh
Tổng Giám đốc

Ngày 28 tháng 8 năm 2012

Mai Hữu Ngân
Kế toán trưởng

Các thuyết minh từ trang 8 đến trang 38 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất

TỔNG CÔNG TY KHÍ VIỆT NAM - CÔNG TY CỔ PHẦN

Tòa nhà PV GAS Tower, số 673 đường Nguyễn Hữu Thọ

Xã Phước Kiển, huyện Nhà Bè, thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho kỳ hoạt động từ 01 tháng 01 năm 2012

đến ngày 30 tháng 6 năm 2012

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2012 đến ngày 30 tháng 6 năm 2012

MẪU SỐ B 02-DN/HN

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/6/2012
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	31	36.712.763.676.912
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	31	40.702.147.687
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01 - 02)	10	31	36.672.061.529.225
4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	32	29.467.098.096.704
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		7.204.963.432.521
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	33	617.443.503.757
7. Chi phí tài chính	22	34	257.088.435.661
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		213.547.957.005
8. Chi phí bán hàng	24		624.613.205.919
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		899.495.183.549
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20+(21-22)-(24+25))	30		6.041.210.111.149
11. Thu nhập khác	31	35	56.918.956.355
12. Chi phí khác	32	36	20.349.282.164
13. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		36.569.674.191
14. Phần (lỗ) trong công ty liên kết	45		(2.208.377.687)
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40+45)	50		6.075.571.407.653
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	37	1.149.930.731.926
17. (Thu nhập) thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		(2.456.119.393)
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60		4.928.096.795.120
18.1. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số	61		258.490.005.476
18.2. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của Công ty mẹ	62		4.669.606.789.644
19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	38	2.461



Đỗ Khang Ninh
Tổng Giám đốc

Ngày 28 tháng 8 năm 2012

Mai Hữu Ngân
Kế toán trưởng

Các thuyết minh từ trang 8 đến trang 38 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất

TỔNG CÔNG TY KHÍ VIỆT NAM - CÔNG TY CỔ PHẦN

Tòa nhà PV GAS Tower, số 673 đường Nguyễn Hữu Thọ

Xã Phước Kiển, huyện Nhà Bè, thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho kỳ hoạt động từ 01 tháng 01 năm 2012

đến ngày 30 tháng 6 năm 2012

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2012 đến ngày 30 tháng 6 năm 2012

MÃ SỐ B 03-DN/HN

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/6/2012
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH		
1. Lợi nhuận trước thuế	01	6.075.571.407.653
2. Điều chỉnh cho các khoản:		
Khấu hao tài sản cố định	02	1.557.263.118.899
Các khoản dự phòng	03	(342.084.536)
(Lãi) từ hoạt động đầu tư	05	(582.744.282.948)
Chi phí lãi vay	06	213.547.957.005
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	7.263.296.116.073
Biến động các khoản phải thu	09	(4.395.956.158.575)
Biến động hàng tồn kho	10	100.111.103.912
Biến động các khoản phải trả (không bao gồm lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	3.182.983.603.191
Biến động chi phí trả trước và tài sản khác	12	358.292.150.910
Tiền lãi vay đã trả	13	(205.963.541.484)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(849.681.963.546)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	2.664.528.300
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16	(238.938.981.447)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	5.216.806.857.334
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ		
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định	21	(994.742.508.815)
2. Tiền chi cho vay, mua công cụ nợ của đơn vị khác	23	(252.558.425.396)
3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại công cụ nợ của đơn vị khác	24	340.265.450.967
4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	622.733.299.676
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(284.302.183.568)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH		
1. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	689.843.834.408
2. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(1.480.130.171.591)
3. Tiền trả nợ thuê tài chính	35	(13.915.783.197)
4. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(2.263.605.720.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(3.067.807.840.380)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	1.864.696.833.386
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	10.045.200.208.018
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	19.365.907
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	11.909.916.407.311



Đỗ Khang Ninh
Tổng Giám đốc

Ngày 28 tháng 8 năm 2012

Mai Hữu Ngân
Kế toán trưởng

Các thuyết minh từ trang 8 đến trang 38 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**MẪU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT****Hình thức sở hữu vốn**

Tổng Công ty Khí Việt Nam - Công ty cổ phần (gọi tắt là "Tổng Công ty") tiền thân là Tổng Công ty Khí Việt Nam - Công ty TNHH Một thành viên - là công ty con của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam, được thành lập theo Quyết định số 2232/QĐ-DKVN ngày 18 tháng 7 năm 2007 của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam và Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3500102710 cấp lần đầu ngày 17 tháng 01 năm 2007.

Tổng Công ty Khí Việt Nam - Công ty TNHH Một thành viên chính thức chuyển sang hoạt động dưới hình thức công ty cổ phần với tên gọi Tổng Công ty Khí Việt Nam - Công ty cổ phần theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 16 tháng 5 năm 2011 với vốn điều lệ là 18.950 tỷ đồng. Cổ phiếu của Tổng Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh với mã cổ phiếu là GAS.

Trụ sở chính của Tổng Công ty đặt tại Tòa nhà PV GAS Tower, số 673 đường Nguyễn Hữu Thọ, xã Phước Kiển, huyện Nhà Bè, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2012, Tổng Công ty có các công ty con sau:

- Công ty Cổ phần Kinh doanh Khí hóa lỏng Miền Nam (sau đây gọi tắt là "PVGAS South")
- Công ty Cổ phần Kinh doanh Khí hóa lỏng Miền Bắc (sau đây gọi tắt là "PVGAS North")
- Công ty Cổ phần Phân phối Khí thấp áp Dầu khí Việt Nam (sau đây gọi tắt là "PVGAS D")
- Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây lắp Khí (sau đây gọi tắt là "PVID")
- Công ty Cổ phần Thể thao Văn hóa Dầu khí (sau đây gọi tắt là "PSCC")
- Công ty Cổ phần Bình khí Dầu khí Việt Nam (sau đây gọi tắt là "PV Cylinder")
- Công ty Cổ phần Sản xuất Ống thép Dầu khí Việt Nam (sau đây gọi tắt là "PV Pipe").

Hoạt động chính

Ngành nghề kinh doanh của Tổng Công ty bao gồm: Thu gom, vận chuyển, tàng trữ khí và sản phẩm khí. Sản xuất khí đốt, phân phối nhiên liệu khí bằng đường ống, chi tiết: Chế biến khí và sản phẩm khí. Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan, chi tiết: Tổ chức phân phối và kinh doanh các sản phẩm khí khô, khí LNG, CNG, LPG, Condensate; Xuất nhập khẩu các sản phẩm khí khô, LNG, LPG, Condensate. Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật liên quan, chi tiết: Tư vấn đầu tư, thiết kế xây dựng công trình công nghiệp cơ khí chế tạo. Giám sát công tác xây dựng và hoàn thiện công trình công nghiệp, dân dụng. Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác, chi tiết: Đầu tư xây dựng, quản lý vận hành, bảo dưỡng, sửa chữa các công trình, dự án khí và liên quan đến khí. Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu, chi tiết: Kinh doanh vật tư, thiết bị, hóa chất trong lĩnh vực chế biến và sử dụng khí và các sản phẩm khí, nhập vật tư, thiết bị và phương tiện phục vụ ngành khí. Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê, chi tiết: Kinh doanh dịch vụ kho bãi, cảng. Kinh doanh bất động sản. Đầu tư cơ sở hạ tầng hệ thống phân phối sản phẩm khí khô, khí lỏng từ khâu nguồn từ cung cấp đến khâu phân phối bán buôn, bán lẻ. Nghiên cứu và phát triển thực nghiệm khoa học tự nhiên và kỹ thuật, chi tiết: Nghiên cứu ứng dụng trong lĩnh vực khí, cải tạo công trình khí. Cung cấp dịch vụ trong lĩnh vực khí, cải tạo, bảo dưỡng, sửa chữa động cơ, lắp đặt thiết bị chuyển đổi cho phương tiện giao thông vận tải và nông lâm ngư nghiệp sử dụng nhiên liệu khí. Vận tải hàng hóa bằng đường bộ, chi tiết: Dịch vụ vận tải và các phương tiện có sử dụng nhiên liệu khí, vận chuyển sản phẩm khí (kinh doanh dịch vụ vận chuyển các sản phẩm khí).

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT VÀ KỲ KẾ TOÁN**Cơ sở lập báo cáo tài chính hợp nhất**

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT VÀ KỲ KẾ TOÁN (Tiếp theo)****Quyết toán cổ phần hóa**

Báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2012 đến ngày 30 tháng 6 năm 2012 chưa bao gồm các điều chỉnh liên quan đến việc quyết toán công tác cổ phần hóa Công ty mẹ - Tổng Công ty do Tổng Công ty chưa có biên bản phê duyệt quyết toán cổ phần hóa tại ngày chính thức chuyển thành công ty cổ phần.

Kỳ kế toán

Năm tài chính của Tổng Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12. Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này được lập cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2012 đến ngày 30 tháng 6 năm 2012.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Tổng Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ hoạt động. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm báo cáo tài chính của Tổng Công ty và báo cáo tài chính của các công ty do Tổng Công ty kiểm soát (các công ty con) được lập cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2012 đến ngày 30 tháng 6 năm 2012. Việc kiểm soát này đạt được khi Tổng Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Trong trường hợp cần thiết, báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Tổng Công ty và các công ty con là giống nhau.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư chủ yếu giữa Tổng Công ty với các công ty con và giữa các công ty con với nhau được loại bỏ khi hợp nhất báo cáo tài chính.

Lợi ích của cổ đông thiểu số trong tài sản thuần của công ty con hợp nhất được xác định là một chỉ tiêu riêng biệt tách khỏi phần vốn chủ sở hữu của cổ đông của Tổng Công ty. Lợi ích của cổ đông thiểu số bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông thiểu số trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ tương ứng với phần vốn của cổ đông thiểu số vượt quá phần vốn của họ trong tổng vốn chủ sở hữu của công ty con được tính giảm vào phần lợi ích của Tổng Công ty trừ khi cổ đông thiểu số có nghĩa vụ ràng buộc và có khả năng bù đắp khoản lỗ đó.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)****Đầu tư vào công ty liên kết**

Công ty liên kết là một công ty mà Tổng Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Tổng Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Kết quả hoạt động kinh doanh, tài sản và công nợ của các công ty liên kết được hợp nhất trong báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Các khoản góp vốn liên kết được trình bày trong bảng cân đối kế toán hợp nhất theo giá gốc được điều chỉnh theo những thay đổi trong phần vốn góp của Tổng Công ty vào phần tài sản thuần của công ty liên kết sau ngày mua khoản đầu tư. Các khoản lỗ của công ty liên kết vượt quá khoản góp vốn của Tổng Công ty tại công ty liên kết đó (bao gồm bất kể các khoản góp vốn dài hạn mà về thực chất tạo thành đầu tư thuần của Tổng Công ty tại công ty liên kết đó) không được ghi nhận.

Góp vốn liên doanh

Các khoản góp vốn liên doanh là thỏa thuận trên cơ sở ký kết hợp đồng mà theo đó Tổng Công ty và các bên tham gia thực hiện hoạt động kinh tế trên cơ sở đồng kiểm soát. Cơ sở đồng kiểm soát được hiểu là việc đưa ra các quyết định mang tính chiến lược liên quan đến các chính sách hoạt động và tài chính của đơn vị liên doanh phải có sự đồng thuận của các bên đồng kiểm soát.

Trong trường hợp một công ty thành viên trực tiếp thực hiện hoạt động kinh doanh theo các thỏa thuận liên doanh, phần vốn góp vào tài sản đồng kiểm soát và bất kỳ khoản nợ phải trả phát sinh chung phải gánh chịu cùng với các bên góp vốn liên doanh khác từ hoạt động của liên doanh được hạch toán vào báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty tương ứng và được phân loại theo bản chất của nghiệp vụ kinh tế phát sinh. Các khoản công nợ và chi phí phát sinh có liên quan trực tiếp đến phần vốn góp trong phần tài sản đồng kiểm soát được hạch toán trên cơ sở dồn tích. Các khoản thu nhập từ việc bán hàng hoặc sử dụng phần sản phẩm được chia từ hoạt động của liên doanh và phần chi phí phát sinh phải gánh chịu được ghi nhận khi chắc chắn khoản lợi ích kinh tế có được từ các giao dịch này được chuyển tới hoặc chuyển ra khỏi Tổng Công ty và các khoản lợi ích kinh tế này có thể được xác định một cách đáng tin cậy.

Lợi thế thương mại

Lợi thế thương mại trên báo cáo tài chính hợp nhất là phần phụ trội giữa mức giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần lợi ích của Tổng Công ty trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con, công ty liên kết, hoặc đơn vị góp vốn liên doanh tại ngày thực hiện nghiệp vụ đầu tư. Lợi thế thương mại được coi là một loại tài sản vô hình, được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trên thời gian hữu dụng ước tính của lợi thế kinh doanh đó tối đa là 10 năm.

Lợi thế kinh doanh có được từ việc mua công ty liên kết được tính vào giá trị ghi sổ của công ty liên kết. Lợi thế kinh doanh từ việc mua các công ty con và các cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được trình bày riêng như một loại tài sản vô hình trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Khi bán công ty con, công ty liên kết hoặc đơn vị góp vốn liên doanh, giá trị còn lại của khoản lợi thế thương mại chưa khấu hao hết được tính vào khoản lãi/lỗ do nghiệp vụ nhượng bán công ty tương ứng.

Công cụ tài chính**Ghi nhận ban đầu****Tài sản tài chính**

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Tổng Công ty bao gồm tiền, các khoản tương đương tiền, các khoản đầu tư, phải thu khách hàng, phải thu khác và các tài sản tài chính khác.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)****Công cụ tài chính (Tiếp theo)*****Công nợ tài chính***

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Công nợ tài chính của Tổng Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, chi phí phải trả và các khoản vay.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn

Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn được trình bày theo giá gốc, bao gồm tiền gửi có kỳ hạn không quá 12 tháng, khoản tiền ủy thác quản lý vốn ngắn hạn và hưởng lãi suất ủy thác tương ứng với kết quả của hoạt động ủy thác và các khoản đầu tư ngắn hạn khác.

Dự phòng phải thu khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền hoặc nhập trước xuất trước. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Tổng Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Tổng Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hình thành do mua sắm bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Đối với tài sản cố định hình thành do đầu tư xây dựng cơ bản theo phương thức giao thầu hoặc tự xây dựng và sản xuất, nguyên giá là giá quyết toán công trình xây dựng theo Quy chế quản lý đầu tư và xây dựng hiện hành, các chi phí khác có liên quan trực tiếp và lệ phí trước bạ (nếu có). Trường hợp dự án đã hoàn thành và đưa vào sử dụng nhưng quyết toán chưa được phê duyệt, nguyên giá tài sản cố định được ghi nhận theo giá tạm tính trên cơ sở chi phí thực tế đã bỏ ra để có được tài sản cố định. Nguyên giá tạm tính sẽ được điều chỉnh theo giá quyết toán được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MÃ SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)****Tài sản cố định hữu hình và khấu hao (Tiếp theo)**

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	Từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/6/2012 Số năm
Nhà cửa, vật kiến trúc	4 - 25
Máy móc, thiết bị	3 - 12
Phương tiện vận tải	2 - 9
Thiết bị văn phòng	3 - 5
Tài sản cố định khác	3 - 20

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Thuê tài sản

Một khoản thuê được xem là thuê tài chính khi phần lớn các quyền lợi và rủi ro về quyền sở hữu tài sản được chuyển sang cho người đi thuê. Tất cả các khoản thuê khác được xem là thuê hoạt động.

Tổng Công ty ghi nhận tài sản thuê tài chính là tài sản của Tổng Công ty theo giá trị hợp lý của tài sản thuê tại thời điểm khởi đầu thuê tài sản hoặc theo giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu, nếu giá trị này thấp hơn. Nợ phải trả bên cho thuê tương ứng được ghi nhận trên bảng cân đối kế toán hợp nhất như một khoản nợ phải trả về thuê tài chính. Các khoản thanh toán tiền thuê được chia thành chi phí tài chính và khoản phải trả nợ gốc nhằm đảm bảo tỷ lệ lãi suất định kỳ cố định trên số dư nợ còn lại. Chi phí thuê tài chính được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh, trừ khi các chi phí này trực tiếp hình thành nên tài sản đi thuê, trong trường hợp đó sẽ được vốn hóa theo chính sách kế toán của Tổng Công ty về chi phí đi vay (xem trình bày dưới đây).

Một khoản thuê được xem là thuê hoạt động khi bên cho thuê vẫn được hưởng phần lớn các quyền lợi và phải chịu rủi ro về quyền sở hữu tài sản. Chi phí thuê hoạt động được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê. Các khoản tiền nhận được hoặc phải thu nhằm tạo điều kiện ký kết hợp đồng thuê hoạt động cũng được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê.

Các tài sản đi thuê tài chính được khấu hao trên thời gian hữu dụng ước tính tương tự như áp dụng với tài sản thuộc sở hữu của Tổng Công ty hoặc trên thời gian đi thuê, trong trường hợp thời gian này ngắn hơn.

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị quyền sử dụng đất, các phần mềm máy tính và các tài sản cố định vô hình khác được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Quyền sử dụng đất có thời hạn được khấu hao theo thời gian được cấp, quyền sử dụng đất có thời hạn sử dụng lâu dài không phải trích khấu hao. Phần mềm máy tính và các tài sản cố định vô hình khác được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính từ ba đến sáu năm.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản lý hoặc cho các mục đích khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí cần thiết để hình thành tài sản bao gồm chi phí xây lắp, thiết bị, chi phí khác và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Tổng Công ty. Các chi phí này sẽ được chuyển sang nguyên giá tài sản cố định theo giá tạm tính (nếu chưa có quyết toán được phê duyệt) khi các tài sản được bàn giao đưa vào sử dụng.

Theo quy định về quản lý đầu tư và xây dựng của Nhà nước, tùy theo phân cấp quản lý, giá trị quyết toán các công trình xây dựng cơ bản hoàn thành cần được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt. Do đó, giá trị cuối cùng về giá trị các công trình xây dựng cơ bản có thể thay đổi và phụ thuộc vào quyết toán được phê duyệt bởi các cơ quan có thẩm quyền.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)****Đầu tư tài chính dài hạn khác**

Các khoản đầu tư tài chính dài hạn khác bao gồm các khoản đầu tư vào các công ty với tỷ lệ sở hữu nhỏ hơn 20% tổng số vốn tương đương quyền biểu quyết của các công ty này, các khoản cho vay và đầu tư dài hạn khác được hạch toán theo giá gốc bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp đến khoản đầu tư. Tại các kỳ kế toán tiếp theo, các khoản đầu tư được xác định theo nguyên giá trừ các khoản giảm giá đầu tư (nếu có).

Các khoản trả trước dài hạn

Chi phí trả trước dài hạn bao gồm khoản giá trị lợi thế kinh doanh, giá trị vỏ bình gas và các khoản chi phí trả trước dài hạn khác.

Giá trị lợi thế kinh doanh phản ánh lợi thế kinh doanh phát sinh khi xác giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa. Khoản lợi thế kinh doanh này được phân bổ vào chi phí sản xuất kinh doanh trong thời gian ba (03) năm kể từ khi Tổng Công ty chính thức hoạt động dưới hình thức công ty cổ phần.

Giá trị vỏ bình gas được phản ánh trên khoản mục chi phí trả trước dài hạn và được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo thời gian sử dụng ước tính của vỏ bình (ký quỹ, ký cược vỏ bình gas nhận được từ khách hàng được phản ánh trên khoản mục phải trả dài hạn khác và được phân bổ vào thu nhập tương ứng với thời hạn phân bổ giá trị vỏ bình gas). Giá trị vỏ bình gas được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng mười (10) năm.

Các khoản chi phí trả trước dài hạn khác bao gồm khoản trả trước tiền thuê đất, giá trị công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ đã xuất dùng và các khoản chi phí trả trước khác được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Tổng Công ty với thời hạn từ một năm trở lên. Các chi phí còn lại được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước dài hạn và được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, sử dụng phương pháp đường thẳng trong vòng không quá ba (03) năm theo các quy định kế toán hiện hành.

Ghi nhận doanh thu**Doanh thu bán hàng**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Tổng Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Tổng Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Tổng Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Căn cứ theo hướng dẫn tại Công văn số 5110-TC/TCT ngày 16 tháng 5 năm 2003 của Bộ Tài chính, doanh thu bán khí và vận chuyển khí Nam Côn Sơn được ghi nhận tại thời điểm Tổng Công ty phát hành hoá đơn giá trị gia tăng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày của bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)****Ghi nhận doanh thu (Tiếp theo)**

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của bảng cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng. Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Tổng Công ty có quyền nhận khoản lãi.

Ngoại tệ**Chênh lệch tỷ giá trong giai đoạn sản xuất kinh doanh**

Tổng Công ty áp dụng xử lý chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn của Thông tư số 201/2009/TT-BTC của Bộ Tài chính ban hành ngày 15 tháng 10 năm 2009. Theo đó, các nghiệp vụ phát sinh bằng các loại ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Số dư các tài sản bằng tiền và công nợ phải thu, phải trả có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ hoạt động được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này và được xử lý như sau:

- Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc đánh giá lại các khoản tiền, phải thu và phải trả ngắn hạn có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ hoạt động được ghi nhận trên khoản mục “Chênh lệch tỷ giá hối đoái” thuộc mục “Vốn chủ sở hữu” trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.
- Chênh lệch phát sinh từ việc đánh giá lại các khoản phải thu dài hạn được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ.
- Chênh lệch phát sinh từ việc đánh giá lại các khoản phải trả dài hạn được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ.

Hướng dẫn của Thông tư số 201/2009/TT-BTC như trên có khác biệt so với quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 (VAS10) “Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái”. Theo VAS10, tất cả chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh. Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty quyết định áp dụng ghi nhận chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn tại Thông tư số 201/2009/TT-BTC và tin tưởng việc áp dụng đó cùng với việc đồng thời công bố đầy đủ thông tin về sự khác biệt trong trường hợp áp dụng theo hướng dẫn theo VAS 10 sẽ cung cấp đầy đủ hơn các thông tin cho người sử dụng báo cáo tài chính hợp nhất. Theo đó, việc áp dụng ghi nhận chênh lệch tỷ giá theo Thông tư số 201/2009/TT-BTC làm lợi nhuận trước thuế của Tổng Công ty cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2012 đến ngày 30 tháng 6 năm 2012 tăng 4.333.980.105 đồng và khoản mục “Chênh lệch tỷ giá hối đoái” được phản ánh trong mục vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất của Tổng Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2012 sẽ tăng 20.326.165.110 đồng so với áp dụng theo VAS10.

Chênh lệch tỷ giá trong giai đoạn xây dựng chưa hoạt động:

Chênh lệch tỷ giá phát sinh do chuyển đổi ngoại tệ các khoản mục tiền tệ, bao gồm chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại được ghi nhận vào khoản mục “Chênh lệch tỷ giá hối đoái” trong phần “Vốn chủ sở hữu” trên bảng cân đối kế toán hợp nhất. Khi công trình xây dựng được hoàn thành, toàn bộ chênh lệch tỷ giá phát sinh lũy kế được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong thời gian không quá 5 năm. Lỗ chênh lệch tỷ giá của các công ty con của Tổng Công ty đang trong giai đoạn đầu tư xây dựng tại ngày 30 tháng 6 năm 2012 là 95.716.570.970 đồng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)****Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Các khoản chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

Các khoản dự phòng

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Tổng Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Tổng Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Tổng Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Quỹ phát triển khoa học và công nghệ

Quỹ phát triển khoa học và công nghệ được trích lập để tạo nguồn đầu tư cho hoạt động khoa học và công nghệ của Tổng Công ty. Quỹ được hình thành trên cơ sở trích lập từ 10% thu thập chịu thuế trước khi tính thuế thu nhập doanh nghiệp và được ghi nhận vào chi phí hoạt động kinh doanh trong kỳ.

Từ ngày 01 tháng 01 năm 2012 đến ngày 30 tháng 6 năm 2012, Tổng Công ty không thực hiện trích Quỹ phát triển khoa học và công nghệ. Số dư quỹ tại ngày 30 tháng 6 năm 2012 với số tiền 1.146.711.002.353 đồng là số nhận bàn giao từ Tổng Công ty Khí Việt Nam - Công ty TNHH MTV khi chuyển sang hoạt động dưới hình thức công ty cổ phần. Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng việc trích quỹ như trên là phù hợp với hoạt động phát triển khoa học và công nghệ của Tổng Công ty.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Tổng Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Tổng Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Tổng Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

TỔNG CÔNG TY KHÍ VIỆT NAM - CÔNG TY CỔ PHẦN

Tòa nhà PV GAS Tower, số 673 đường Nguyễn Hữu Thọ

Xã Phước Kiển, huyện Nhà Bè, thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2012

đến ngày 30 tháng 6 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN/HN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	30/6/2012	31/12/2011
	VND	VND
Tiền mặt	12.987.817.599	15.669.406.599
Tiền gửi ngân hàng	2.776.511.341.760	2.453.746.469.267
Tiền đang chuyển	11.040.040	494.042.839
Các khoản tương đương tiền (i)	9.120.406.207.912	7.575.290.289.313
	11.909.916.407.311	10.045.200.208.018

(i) Các khoản tương đương tiền phản ánh các khoản tiền gửi có kỳ hạn nhỏ hơn hoặc bằng 3 tháng tại các ngân hàng và tổ chức tài chính.

5. ĐẦU TƯ NGẮN HẠN

	30/6/2012	31/12/2011
	VND	VND
Tiền gửi có kỳ hạn và ủy thác quản lý vốn từ 12 tháng trở xuống	151.423.200.000	314.229.590.057
Các khoản đầu tư ngắn hạn khác	3.100.000.000	3.100.000.000
	154.523.200.000	317.329.590.057

6. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC

	30/6/2012	31/12/2011
	VND	VND
Phải thu các bên đối tác trong hợp đồng hợp tác liên doanh thực hiện xây dựng đường ống Lô B - Ô Môn	123.961.631.156	171.685.872.819
Phải thu CBCNV tiền đặt cọc mua nhà tại Công ty Địa ốc Phú Long	246.990.625.000	201.625.000.000
Ứng trước cho PVC Mekong thực hiện xây dựng khu văn phòng cho thuê Bạc Liêu	49.998.681.817	49.998.681.817
Các khoản phải thu khác	98.566.617.163	153.606.427.475
	519.517.555.136	576.915.982.111

7. HÀNG TỒN KHO

	30/6/2012	31/12/2011
	VND	VND
Hàng mua đang đi trên đường	10.721.694.861	46.379.441.072
Nguyên liệu, vật liệu	538.779.463.504	546.017.332.265
Công cụ, dụng cụ	41.607.560.632	35.756.779.421
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	92.476.601.718	21.157.667.225
Thành phẩm	136.738.724.307	58.760.517.432
Hàng hóa	196.096.282.482	408.459.694.001
	1.016.420.327.504	1.116.531.431.416
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(58.092.956.046)	(58.092.956.046)
Giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho	958.327.371.458	1.058.438.475.370

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2012, Tổng Công ty không phát sinh thêm hàng tồn kho chậm luân chuyển, kém, mất phẩm chất. Tổng Công ty đã đánh giá một cách thận trọng đối với số hàng tồn kho và nhận thấy không có sự suy giảm thêm về giá trị thuần có thể thực hiện được, do vậy Tổng Công ty quyết định giữ nguyên số dự phòng giảm giá hàng tồn kho đã trích lập tại ngày 31 tháng 12 năm 2011.

TỔNG CÔNG TY KHÍ VIỆT NAM - CÔNG TY CỔ PHẦN

Tòa nhà PV GAS Tower, số 673 đường Nguyễn Hữu Thọ

Xã Phước Kiển, huyện Nhà Bè, thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2012

đến ngày 30 tháng 6 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN/HN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

8. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN KHÁC PHẢI THU NHÀ NƯỚC

	30/6/2012 VND	31/12/2011 VND
Thuế giá trị gia tăng	20.553.389	-
Thuế xuất nhập khẩu	3.740.714.626	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	3.979.721.131	30.972.345.274
Thuế thu nhập cá nhân	165.122.737	-
Các loại thuế khác	5.000.000	4.294.921.769
	7.911.111.883	35.267.267.043

9. TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC

	30/6/2012 VND	31/12/2011 VND
Tài sản thiếu chờ xử lý	599.456.940	248.053.350
Tạm ứng	15.011.180.620	12.729.966.825
Ký cược, ký quỹ ngắn hạn	414.886.286.446	478.761.148.691
Khác	3.261.799.077	4.950.437.842
	433.758.723.083	496.689.606.708

TỔNG CÔNG TY KHÍ VIỆT NAM - CÔNG TY CỔ PHẦN

Tòa nhà PV GAS Tower, số 673 đường Nguyễn Hữu Thọ
Xã Phước Kiển, huyện Nhà Bè, thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2012
đến ngày 30 tháng 6 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

MẪU SỐ B 09-DN/HN

10. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

NGUYÊN GIÁ

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị văn phòng VND	Tài sản cố định khác VND	Tổng cộng VND
Tại ngày 01/01/2011	1.246.555.211.017	1.279.357.099.105	467.424.192.723	105.715.040.506	24.356.325.058.686	27.455.376.602.037
Mua trong kỳ	6.305.874.531	35.937.397.534	6.188.410.714	5.975.985.880	304.518.212	54.712.186.871
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	92.458.695.991	362.853.559.037	867.360.773	-	-	456.179.615.801
Điều chỉnh theo quyết toán	-	-	-	-	684.913.929.870	684.913.929.870
Tăng khác	22.113.123.036	12.137.650.634	-	1.160.598.794	-	35.411.372.464
Thanh lý, nhượng bán	(789.349.252)	(17.399.298.823)	(133.236.687)	-	-	(18.321.884.762)
Giảm khác	(5.987.031.738)	-	(33.720.348.772)	(41.736.000)	-	(39.749.116.510)
Phân loại lại	989.063.843.443	232.103.104.867	35.377.292.756	16.351.301.681	(1.272.895.542.747)	-
Tại ngày 30/6/2012	2.349.720.367.028	1.904.989.512.354	476.003.671.507	129.161.190.861	23.768.647.964.021	28.628.522.705.771
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ						
Tại ngày 01/01/2011	206.765.532.447	312.633.406.678	139.202.041.312	63.089.229.297	9.853.294.798.860	10.574.985.008.594
Khấu hao trong kỳ	104.514.656.636	142.815.420.743	60.359.022.056	11.147.008.813	1.208.251.871.016	1.527.087.979.264
Thanh lý, nhượng bán	(206.107.859)	(1.995.381.978)	(74.887.932)	-	-	(2.276.377.769)
Giảm khác	(2.940.731.081)	(1.288.064.770)	-	-	-	(4.228.795.851)
Phân loại lại	540.567.240.611	141.017.987.999	28.777.197.595	10.537.945.023	(720.900.371.228)	-
Tại ngày 30/6/2012	848.700.590.754	593.183.368.672	228.263.373.031	84.774.183.133	10.340.646.298.648	12.095.567.814.238
GIÁ TRỊ CÒN LẠI						
Tại ngày 30/6/2012	1.501.019.776.274	1.311.806.143.682	247.740.298.476	44.387.007.728	13.428.001.665.373	16.532.954.891.533
Tại ngày 31/12/2011	1.039.789.678.570	966.723.692.427	328.222.151.411	42.625.811.209	14.503.030.259.826	16.880.391.593.443

Nguyên giá của tài sản cố định bao gồm các tài sản cố định đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 30 tháng 6 năm 2012 là 196.686.099.352 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2011: 161.185.800.340 đồng).

Các công trình khí tại ngày 30 tháng 6 năm 2012 được trình bày trong nhóm "Tài sản cố định khác" bao gồm một số tài sản có nguyên giá là 6.318.507.474.890 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2011: 5.595.290.547.246 đồng) được tạm tăng theo chi phí thực tế phát sinh để trích khấu hao khi công trình được đưa vào sử dụng. Nguyên giá các công trình này sẽ được điều chỉnh lại khi quyết toán công trình được phê duyệt.

Tổng Công ty đã thế chấp nhà cửa, vật kiến trúc và máy móc, thiết bị với nguyên giá tại ngày 30 tháng 6 năm 2012 là 433.437.291.896 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2011: 433.437.291.896 đồng) làm đảm bảo cho các khoản vay của Tổng Công ty.

TỔNG CÔNG TY KHÍ VIỆT NAM - CÔNG TY CỔ PHẦN**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Tòa nhà PV GAS Tower, số 673 đường Nguyễn Hữu Thọ

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2012

Xã Phước Kiển, huyện Nhà Bè, thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

đến ngày 30 tháng 6 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN/HN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

11. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH THUÊ TÀI CHÍNH

	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Tổng cộng VND
NGUYÊN GIÁ			
Tại ngày 01/01/2011	231.840.991.977	1.521.235.000	233.362.226.977
Mua trong kỳ	52.737.056	-	52.737.056
Tại ngày 30/6/2012	231.893.729.033	1.521.235.000	233.414.964.033
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ			
Tại ngày 01/01/2011	14.940.035.187	1.113.068.086	16.053.103.273
Khấu hao trong kỳ	22.832.445.021	126.769.584	22.959.214.605
Tại ngày 30/6/2012	37.772.480.208	1.239.837.670	39.012.317.878
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại ngày 30/6/2012	194.121.248.825	281.397.330	194.402.646.155
Tại ngày 31/12/2011	216.900.956.790	408.166.914	217.309.123.704

12. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm máy tính VND	Bản quyền, bằng sáng chế VND	Nhãn hiệu hàng hóa VND	Tài sản cố định vô hình khác VND	Tổng cộng VND
NGUYÊN GIÁ						
Tại ngày 01/01/2011	255.488.312.670	16.029.664.639	1.464.370.376	4.288.007.246	68.800.000	277.339.154.931
Tăng trong kỳ	132.000.000	5.804.479.520	-	-	-	5.936.479.520
Tại ngày 30/6/2012	255.620.312.670	21.834.144.159	1.464.370.376	4.288.007.246	68.800.000	283.275.634.451
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ						
Tại ngày 01/01/2011	431.751.135	10.484.735.928	241.874.797	-	17.200.000	11.175.561.860
Khấu hao trong kỳ	310.137.317	2.261.365.199	81.353.910	-	11.466.669	2.664.323.095
Tại ngày 30/6/2012	741.888.452	12.746.101.127	323.228.707	-	28.666.669	13.839.884.955
GIÁ TRỊ CÒN LẠI						
Tại ngày 30/6/2012	254.878.424.218	9.088.043.032	1.141.141.669	4.288.007.246	40.133.331	269.435.749.496
Tại ngày 31/12/2011	255.056.561.535	5.544.928.711	1.222.495.579	4.288.007.246	51.600.000	266.163.593.071

TỔNG CÔNG TY KHÍ VIỆT NAM - CÔNG TY CỔ PHẦN**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Tòa nhà PV GAS Tower, số 673 đường Nguyễn Hữu Thọ

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2012

Xã Phước Kiển, huyện Nhà Bè, thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

đến ngày 30 tháng 6 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN/HN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

13. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	30/6/2012 VND	31/12/2011 VND
Đường ống dẫn khí Lô B - Ô Môn	164.505.330.445	164.505.330.445
Kho chứa LPG lạnh	1.291.399.651.013	726.034.786.968
Đường ống dẫn khí Hải Sư Trắng/Tê Giác Trắng - Bạch Hổ	-	678.769.567.041
Dự án dây chuyền cấp khí cho Nhà máy đạm Cà Mau	41.626.040.831	40.142.631.634
Dự án Chung cư C2 Chí Linh	46.438.795.278	46.438.795.278
Dự án đường ống dẫn khí Nam Côn Sơn 2	179.239.860.451	124.917.169.830
Kho cảng nhập khẩu khí thiên nhiên hóa lỏng	131.606.958.939	95.032.151.310
Hệ thống phân phối khí thấp áp	-	234.256.925.069
Dự án nhà máy sản xuất ống thép dầu khí	1.999.371.304.532	1.988.240.629.620
Công trình trạm khí CNG cho xe ô tô	953.689.176	25.964.412.486
Nhà máy xử lý khí Cà Mau	67.694.483.499	24.366.339.348
Kho chứa LNG Thị Vải	30.534.003.537	8.573.391.650
Dự án thu gom và phân phối khí mỏ Hàm Rồng và mỏ Thái Bình	29.782.201.726	28.024.926.665
Khác	147.365.316.343	141.801.590.254
	4.130.517.635.770	4.327.068.647.598

14. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY CON

Thông tin chi tiết về các công ty con của Tổng Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2012 như sau:

Tên công ty	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết nắm giữ	Hoạt động chính
Công ty Cổ phần Kinh doanh Khí hóa lỏng Miền Nam (i)	TP HCM	35,26%	35,26%	Phân phối khí hóa lỏng
Công ty Cổ phần Kinh doanh Khí hóa lỏng Miền Bắc (i)	Hà Nội	35,88%	35,88%	Phân phối khí hóa lỏng
Công ty Cổ phần Phân phối Khí thấp áp Dầu khí Việt Nam	TP HCM	50,50%	50,50%	Phân phối khí thấp áp
Công ty Cổ phần Bình khí Dầu khí Việt Nam	Đồng Nai	77,92%	91,00%	Sản xuất vỏ bình khí
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây lắp Khí	Vũng Tàu	76,50%	76,50%	Kinh doanh dịch vụ bọc ống
Công ty Cổ phần Thể thao Văn hoá Dầu khí	Hà Nội	60,00%	60,00%	Hoạt động thể thao và văn hóa
Công ty Cổ phần Sản xuất Ống thép Dầu khí Việt Nam	Tiền Giang	91,65%	91,65%	Sản xuất ống thép

(i) Các khoản đầu tư vào các công ty mà Tổng Công ty góp dưới 50% vốn điều lệ nhưng nắm quyền chi phối. Theo đánh giá của Ban Tổng Giám đốc, quyền chi phối của Tổng Công ty đối với các công ty nhận đầu tư này đã được xác định chắc chắn và việc xác định các công ty này là công ty con của Tổng Công ty phù hợp với bản chất của nghiệp vụ kinh tế phát sinh, tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán hiện hành.

15. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY LIÊN KẾT

	30/6/2012 VND	31/12/2011 VND
Công ty Cổ phần Năng lượng Vinabenny	44.933.515.305	47.401.583.592
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Gas đô thị	72.732.427.288	75.924.042.559
	117.665.942.593	123.325.626.151

TỔNG CÔNG TY KHÍ VIỆT NAM - CÔNG TY CỔ PHẦN

Tòa nhà PV GAS Tower, số 673 đường Nguyễn Hữu Thọ

Xã Phước Kiển, huyện Nhà Bè, thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2012

đến ngày 30 tháng 6 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN/HN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

15. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY LIÊN KẾT (Tiếp theo)

Thông tin chi tiết về các công ty liên kết tại ngày 30 tháng 6 năm 2012 như sau:

Tên công ty liên kết	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ quyền biểu quyết nắm giữ	Hoạt động chính
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Gas đô thị	Hà Nội	35,51%	Kinh doanh khí
Công ty Cổ phần Năng lượng Vinabenny	Vũng Tàu	23,84%	Năng lượng

16. HỢP ĐỒNG HỢP TÁC KINH DOANH

Tổng Công ty Khí Việt Nam - Công ty cổ phần, Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư và Thiết kế Dầu khí và Công ty Cổ phần Địa ốc Phú Long hợp tác cùng góp vốn đầu tư xây dựng và kinh doanh khai thác Dự án "Tòa nhà văn phòng PV Gas Tower" tại số 673 đường Nguyễn Hữu Thọ, xã Phước Kiển, huyện Nhà Bè, thành phố Hồ Chí Minh. Theo thỏa thuận giữa các bên, Tổng Công ty thực hiện quản lý và hạch toán kết quả kinh doanh của hợp đồng và phân chia lợi nhuận sau thuế cho các bên theo tỷ lệ vốn góp.

Tỷ lệ vốn góp theo thỏa thuận tại Hợp đồng hợp tác kinh doanh như sau:

Phần vốn góp của Tổng Công ty Khí Việt Nam - Công ty cổ phần chiếm tỷ lệ:	70%
Phần vốn góp của Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư và Thiết kế Dầu khí chiếm tỷ lệ:	20%
Phần vốn góp của Công ty Cổ phần Địa ốc Phú Long chiếm tỷ lệ:	10%

Dưới đây là số liệu về kết quả kinh doanh từ hợp đồng hợp tác kinh doanh này được trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty:

	30/6/2012 VND	31/12/2011 VND
Nguyên giá tài sản cố định	718.541.747.813	674.860.658.916
Hao mòn lũy kế tài sản cố định	35.580.473.493	7.919.251.823
Giá trị còn lại của tài sản cố định	682.961.274.320	666.941.407.093
		Từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/6/2012 VND
Doanh thu		58.084.346.784
Chi phí quản lý tài sản liên doanh		27.156.135.307
Thuế thu nhập doanh nghiệp		7.732.052.869
Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp		23.196.158.608
<i>Phân chia theo tỷ lệ góp vốn:</i>		
Tổng Công ty Khí Việt Nam - Công ty cổ phần		16.237.311.025
Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư và Thiết kế Dầu khí		4.639.231.722
Công ty Cổ phần Địa ốc Phú Long		2.319.615.861

TỔNG CÔNG TY KHÍ VIỆT NAM - CÔNG TY CỔ PHẦN

Tòa nhà PV GAS Tower, số 673 đường Nguyễn Hữu Thọ

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2012

Xã Phước Kiển, huyện Nhà Bè, thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

đến ngày 30 tháng 6 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN/HN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

17. ĐẦU TƯ DÀI HẠN KHÁC

	30/6/2012 VND	31/12/2011 VND
Đầu tư cổ phiếu (i)	356.600.283.780	393.071.635.736
Ủy thác quản lý vốn dài hạn và tiền gửi có kỳ hạn	589.025.720.000	499.067.180.000
	945.626.003.780	892.138.815.736

- (i) Đầu tư cổ phiếu bao gồm khoản mua cổ phần của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đông Nam Á với số tiền là 311.250.000.000 đồng. Do số cổ phiếu này thuộc loại hạn chế chuyển nhượng và Tổng Công ty dự kiến nắm giữ dài hạn nên không thực hiện đánh giá mức tổn thất có thể xảy ra để trích lập dự phòng giảm giá đối với khoản đầu tư này.

18. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	30/6/2012 VND	31/12/2011 VND
Giá trị lợi thế kinh doanh doanh nghiệp (i)	1.706.086.612.518	2.161.043.042.522
Chi phí vô bình gas chờ phân bổ	644.735.581.912	661.205.721.543
Chi phí trả trước dài hạn khác	230.621.779.259	159.836.176.748
	2.581.443.973.689	2.982.084.940.813

- (i) Lợi thế kinh doanh của Tổng Công ty phản ánh lợi thế kinh doanh phát sinh khi xác định giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa. Khoản lợi thế kinh doanh này được phân bổ vào chi phí sản xuất kinh doanh trong thời gian 3 năm kể từ khi Tổng Công ty chính thức chuyển thành Công ty cổ phần. Giá trị đã phân bổ vào chi phí trong kỳ là 454.956.430.004 đồng.

19. LỢI THẾ THƯƠNG MẠI

	Từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/6/2012 VND
Số dư đầu kỳ	692.064.922.695
Tăng trong kỳ	-
Phân bổ vào chi phí trong kỳ	(34.063.139.404)
Số dư cuối kỳ	658.001.783.291

20. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN

	30/6/2012 VND	31/12/2011 VND
Vay ngắn hạn	326.958.091.113	305.474.786.062
Nợ dài hạn đến hạn trả (Thuyết minh số 27)	2.355.406.009.432	2.561.429.798.251
	2.682.364.100.545	2.866.904.584.313

TỔNG CÔNG TY KHÍ VIỆT NAM - CÔNG TY CỔ PHẦN

Tòa nhà PV GAS Tower, số 673 đường Nguyễn Hữu Thọ

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2012

Xã Phước Kiển, huyện Nhà Bè, thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

đến ngày 30 tháng 6 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***21. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	30/6/2012	31/12/2011
	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	205.919.969.615	279.879.102.281
Thuế xuất, nhập khẩu	21.855.361	800.149.771
Thuế thu nhập doanh nghiệp	605.820.809.191	301.592.319.680
Thuế tiêu thụ đặc biệt	2.216.435.660	2.774.432.954
Thuế thu nhập cá nhân	2.632.286.205	10.021.047.535
Các loại thuế khác	-	1.684.213.690
	816.611.356.032	596.751.265.911

22. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	30/6/2012	31/12/2011
	VND	VND
Chi phí nhà điều hành Nam Côn Sơn	36.315.338.060	43.857.915.342
Trích trước chi phí vận hành mỏ Rồng Đồi Mồi và Vòm Bắc mỏ Bạch Hổ	101.543.453.451	87.017.231.586
Chi phí lãi vay	67.686.743.118	60.102.327.597
Trích trước chi phí sửa chữa công trình khí (i)	302.714.486.161	317.429.515.918
Trích trước chi phí mua khí	807.697.441.843	508.230.740.004
Các khoản khác	127.626.272.186	26.345.847.147
	1.443.583.734.819	1.042.983.577.594

(i) Tổng Công ty thực hiện trích trước chi phí sửa chữa bảo dưỡng các công trình khí trên cơ sở dự toán chi phí phát sinh cho các hạng mục sẽ được sửa chữa trong năm 2012. Tổng Công ty tin tưởng rằng việc trích trước các khoản chi phí này là phù hợp với tình hình thực tế của Tổng Công ty.

23. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN NỘI BỘ

	30/6/2012	31/12/2011
	VND	VND
Quản lý phí phải nộp Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	117.340.987.458	45.128.506.078
	117.340.987.458	45.128.506.078

Theo thỏa thuận giữa Tập đoàn Dầu khí Việt Nam và Tổng Công ty, Tổng Công ty phải nộp cho Tập đoàn Dầu khí Việt Nam phí quản lý hàng năm theo mức từ 0,05% đến 0,5% tính trên từng loại doanh thu.

24. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP NGẮN HẠN KHÁC

	30/6/2012	31/12/2011
	VND	VND
Phải trả về cổ phần hóa	-	294.945.729.713
Phải trả do tăng giá bán khí (i)	719.334.512.680	410.678.013.139
Các khoản phải trả khác	537.181.518.257	575.078.010.701
	1.256.516.030.937	1.280.701.753.553

(i) Phản ánh phần tăng thêm do điều chỉnh giá bán khí đối với lượng khí đã giao từ ngày 16 tháng 5 năm 2011 đến ngày 31 tháng 3 năm 2012 cho Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - Công ty cổ phần với số tiền là 719.334.512.680 đồng để điều tiết hỗ trợ sản xuất cho Nhà máy đạm Cà Mau theo Văn bản số 2732/VPCP-KTN ngày 29 tháng 4 năm 2011 của Văn phòng Chính phủ. Hiện tại, Tổng Công ty đang chờ hướng dẫn của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam để quyết toán số tiền trên.

TỔNG CÔNG TY KHÍ VIỆT NAM - CÔNG TY CỔ PHẦN**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Tòa nhà PV GAS Tower, số 673 đường Nguyễn Hữu Thọ

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2012

Xã Phước Kiển, huyện Nhà Bè, thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

đến ngày 30 tháng 6 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***25. PHẢI TRẢ DÀI HẠN NỘI BỘ**

	30/6/2012 VND	31/12/2011 VND
Phải trả dài hạn nội bộ	44.264.383.269	44.264.383.269
	44.264.383.269	44.264.383.269

Phải trả dài hạn nội bộ phản ánh khoản phải trả cho Tập đoàn Dầu khí Việt Nam về số vốn cấp cho Ban Quản lý Dự án Khí Đông Nam Bộ (đơn vị phụ thuộc Tổng Công ty) để thực hiện Dự án thu gom khí đồng hành mỏ Rồng Đồi Mồi.

26. PHẢI TRẢ DÀI HẠN KHÁC

	30/6/2012 VND	31/12/2011 VND
Phải trả về cổ phần hóa	2.068.800.000	2.068.800.000
Nhận ký quỹ ký cược vỏ bình gas	270.594.347.405	263.836.729.389
Khác	2.664.528.300	-
	275.327.675.705	265.905.529.389

27. VAY VÀ NỢ DÀI HẠN

	30/6/2012 VND	31/12/2011 VND
Vay dài hạn	9.904.207.867.388	10.541.929.108.071
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	3.101.579.374.126	2.866.458.345.557
Ngân hàng Standard Chartered	2.154.540.879.632	2.462.332.444.575
Ngân hàng TMCP Đông Nam Á	555.113.473.160	666.067.348.245
Tổng Công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí Việt Nam	1.797.802.805.829	2.105.135.346.750
Ngân hàng Đầu tư Châu Âu	367.974.543.916	436.803.640.884
Ngân hàng Calyon Việt Nam	189.345.454.432	284.018.181.686
Ngân hàng TMCP Phát triển Nhà Tp. Hồ Chí Minh	258.813.976.000	271.542.116.000
Ngân hàng Bangkok Đại chúng TNHH - Chi nhánh Tp. Hồ Chí Minh	242.065.594.090	62.963.247.385
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	37.420.242.726	56.699.769.980
Ngân hàng TMCP Quân đội	148.675.958.439	162.217.101.970
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	1.050.875.565.038	1.167.691.565.039
Nợ dài hạn	153.166.398.021	169.311.498.679
Công ty TNHH Một thành viên cho thuê tài chính - Sacombank	76.886.604.235	84.701.917.931
Công ty Cho thuê tài chính Ngân hàng Á Châu	32.282.368.789	36.997.242.227
Công ty TNHH Cho thuê Tài chính Quốc tế Việt Nam	39.992.018.902	43.141.187.529
Công ty TNHH Cho thuê Tài chính Quốc tế Chailease	4.005.406.095	4.471.150.992
	10.057.374.265.409	10.711.240.606.750
Trừ: nợ dài hạn đến hạn trả (được trình bày trên phần nợ ngắn hạn)	2.355.406.009.432	2.561.429.798.251
Vay và nợ dài hạn phải trả sau 12 tháng	7.701.968.255.977	8.149.810.808.499

TỔNG CÔNG TY KHÍ VIỆT NAM - CÔNG TY CỔ PHẦN**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Tòa nhà PV GAS Tower, số 673 đường Nguyễn Hữu Thọ

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2012

Xã Phước Kiển, huyện Nhà Bè, thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

đến ngày 30 tháng 6 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***27. VAY VÀ NỢ DÀI HẠN (Tiếp theo)**

Các khoản vay và nợ dài hạn của Tổng Công ty được giải ngân bằng đồng Việt Nam, Euro và Đô la Mỹ để phục vụ cho việc đầu tư mua sắm tài sản cố định của Tổng Công ty. Chi tiết số tiền vay theo đồng tiền giải ngân như sau:

	30/6/2012	31/12/2011
	VND	VND
Vay bằng EUR	37.467.665.434	55.482.012.781
Vay bằng USD	7.533.356.008.647	8.159.969.470.638
Vay bằng VND	2.486.550.591.328	2.495.789.123.331
	10.057.374.265.409	10.711.240.606.750

Các khoản vay và nợ dài hạn của Tổng Công ty phân loại theo loại hình đảm bảo như sau:

	30/6/2012	31/12/2011
	VND	VND
Tín chấp	7.728.676.984.363	7.944.984.517.681
Bảo lãnh của bên thứ 3	710.001.362.882	887.510.075.804
Bảo đảm bằng tài sản của Tổng Công ty	1.618.695.918.164	1.878.746.013.265
	10.057.374.265.409	10.711.240.606.750

Các khoản vay của Công ty được ký hợp đồng theo lãi suất thả nổi và lãi suất cố định. Lãi suất trong kỳ là từ 10,5% đến 17,4%/năm đối với đồng Việt Nam, từ 1,5% đến 4,5%/năm đối với đồng Đô la Mỹ và 6%/năm đối với đồng Euro. Các khoản vay được phân loại theo lãi suất vay như sau:

	30/6/2012	31/12/2011
	VND	VND
Vay theo lãi suất cố định	1.256.421.350.411	1.602.870.989.401
Vay theo lãi suất thả nổi	8.800.952.914.998	9.108.369.617.349
	10.057.374.265.409	10.711.240.606.750

Các khoản vay và nợ dài hạn được hoàn trả theo lịch biểu sau:

	30/6/2012	31/12/2011
	VND	VND
Trong vòng một năm	2.355.406.009.432	2.561.429.798.251
Trong năm thứ hai	2.783.010.150.926	2.545.330.557.746
Từ ba năm đến năm thứ năm	3.887.760.259.179	3.596.858.839.088
Sau năm năm	1.031.197.845.872	2.007.621.411.665
	10.057.374.265.409	10.711.240.606.750
Trừ: số phải trả trong vòng 12 tháng (được trình bày trên khoản nợ ngắn hạn)	(2.355.406.009.432)	(2.561.429.798.251)
Số phải trả sau 12 tháng	7.701.968.255.977	8.149.810.808.499

TỔNG CÔNG TY KHÍ VIỆT NAM - CÔNG TY CỔ PHẦN

Tòa nhà PV GAS Tower, số 673 đường Nguyễn Hữu Thọ
Xã Phước Kiển, huyện Nhà Bè, thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2012
đến ngày 30 tháng 6 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

MẪU SỐ B 09-DN/HN

28. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Thay đổi trong vốn chủ sở hữu:

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu		Vốn khác của chủ sở hữu		Quỹ đầu tư phát triển		Quỹ dự phòng tài chính		Chênh lệch tỷ giá hối đoái		Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		Cộng VND
	VND		VND		VND		VND		VND		VND		VND		
Số dư tại ngày 16/5/2011	-		-		-		-		-		-		-		-
Nhận bán giao	18.950.000.000.000		30.966.515.289		91.757.438.974		16.605.122.426		(12.704.896.239)		264.613.657.480		-		19.341.237.837.930
Lợi nhuận trong kỳ	-		-		-		-		-		4.334.181.077.976		-		4.334.181.077.976
Trích lập các quỹ	-		-		260.712.709.832		440.035.444.132		-		(915.177.733.219)		214.429.579.255		-
Chênh lệch tỷ giá	-		-		-		-		(58.351.529.516)		-		-		(58.351.529.516)
Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi và quỹ thường ban điều hành	-		-		-		-		-		(144.227.637.813)		-		(144.227.637.813)
Thay đổi khác	-		-		5.183.504.848		-		-		2.329.961.762		-		7.513.466.610
Số dư tại ngày 01/01/2012	18.950.000.000.000		30.966.515.289		357.653.653.654		456.640.566.558		(71.056.425.755)		3.541.719.326.186		214.429.579.255		23.480.353.215.187
Lợi nhuận trong kỳ	-		-		-		-		-		4.669.606.789.644		-		4.669.606.789.644
Trích lập các quỹ	-		-		1.188.219.799.652		8.229.983.777		-		(1.115.769.470.506)		(80.680.312.923)		-
Chênh lệch tỷ giá	-		-		-		-		(4.333.980.105)		-		-		(4.333.980.105)
Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi và quỹ thường ban điều hành	-		-		-		-		-		(118.731.020.387)		-		(118.731.020.387)
Chia cổ tức	-		-		-		-		-		(2.274.000.000.000)		-		(2.274.000.000.000)
Thay đổi khác	-		(17.192.985)		(440.503.702)		(470.986.510)		-		(17.933.903.785)		-		(18.862.586.982)
Số dư tại ngày 30/6/2012	18.950.000.000.000		30.949.322.304		1.545.432.949.604		464.399.563.825		(75.390.405.860)		4.684.891.721.152		133.749.266.332		25.734.032.417.357

TỔNG CÔNG TY KHÍ VIỆT NAM - CÔNG TY CỔ PHẦN

Tòa nhà PV GAS Tower, số 673 đường Nguyễn Hữu Thọ

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2012

Xã Phước Kiển, huyện Nhà Bè, thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

đến ngày 30 tháng 6 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***28. VỐN CHỦ SỞ HỮU (Tiếp theo)**Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu:

	Số lượng (cổ phần)	Tỷ lệ %	Số vốn góp VND
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	1.832.835.900	96,72	18.328.359.000.000
Các cổ đông khác	62.164.100	3,28	621.641.000.000
	1.895.000.000	100	18.950.000.000.000

Số lượng cổ phần Tổng Công ty đã đăng ký và phát hành ra công chúng tại ngày 30 tháng 6 năm 2012 là 1.895.000.000 cổ phần. Toàn bộ số cổ phần của Tổng Công ty là cổ phần phổ thông, mệnh giá mỗi cổ phần là 10.000 đồng/cổ phần.

Cổ tức:

Theo Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2012 số 50/NQ-ĐHĐCĐ ngày 18 tháng 4 năm 2012, Tổng Công ty đã công bố và chi trả cổ tức từ lợi nhuận sau thuế năm 2011 trong kỳ với số tiền là 2.274.000.000.000 đồng (tương đương với 1.200 đồng/cổ phần).

29. BÁO CÁO THEO BỘ PHẬNBộ phận theo lĩnh vực địa lý

Tổng Công ty không có hoạt động kinh doanh nào ngoài lãnh thổ Việt Nam; do vậy, Tổng Công ty không có bộ phận kinh doanh theo khu vực địa lý ngoài Việt Nam.

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Để phục vụ mục đích quản lý, Tổng Công ty tổ chức các hoạt động kinh doanh theo từng lĩnh vực trên cơ sở các công ty con hoạt động tương đối riêng biệt.

Hoạt động theo lĩnh vực kinh doanh của Tổng Công ty bao gồm các bộ phận như sau:

- Hoạt động kinh doanh khí và các sản phẩm khí (gồm có Công ty mẹ, PVGAS South, PVGAS North và PVGAS D);
- Hoạt động phụ trợ kinh doanh khí và các sản phẩm khí: sản xuất ống thép, bình khí xây dựng, lắp đặt, sửa chữa các công trình khí (gồm có PV Pipe, PV Cylinder và PVID);
- Các hoạt động khác: tổ chức các hoạt động thể thao và văn hóa (gồm có PSCC).

TỔNG CÔNG TY KHÍ VIỆT NAM - CÔNG TY CỔ PHẦN**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Tòa nhà PV GAS Tower, số 673 đường Nguyễn Hữu Thọ

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2012

Xã Phước Kiển, huyện Nhà Bè, thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

đến ngày 30 tháng 6 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN/HN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

29. BÁO CÁO THEO BỘ PHẬN (Tiếp theo)

Các thông tin bộ phận về hoạt động kinh doanh của Công ty như sau:

Bảng cân đối kế toán hợp nhất

	Kinh doanh khí và các sản phẩm khí 30/6/2012 VND	Hoạt động phụ trợ kinh doanh khí và các sản phẩm khí 30/6/2012 VND	Các hoạt động khác 30/6/2012 VND	Loại trừ nội bộ 30/6/2012 VND	Tổng cộng 30/6/2012 VND
Tài sản					
Tiền và các khoản tương đương tiền	11.612.145.313.353	296.037.914.798	1.733.179.160	-	11.909.916.407.311
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	134.723.200.000	-	19.800.000.000	-	154.523.200.000
Các khoản phải thu ngắn hạn	12.850.761.627.440	351.482.685.583	796.933.022	(1.886.092.809.642)	11.316.948.436.403
Hàng tồn kho	678.985.083.984	235.608.633.657	-	43.733.653.817	958.327.371.458
Tài sản ngắn hạn khác	862.645.360.936	25.946.691.926	851.015.045	-	889.443.067.907
Các khoản phải thu dài hạn	4.293.313.000	-	-	-	4.293.313.000
Tài sản cố định	18.621.224.593.723	2.505.325.667.305	760.661.926	-	21.127.310.922.954
Bất động sản đầu tư	1.101.424.778	-	-	-	1.101.424.778
Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	3.281.275.969.878	-	-	(2.242.984.023.505)	1.038.291.946.373
Tài sản dài hạn khác	2.579.880.017.444	27.458.163.357	455.105.344	-	2.607.793.286.145
Lợi thế thương mại	20.649.926.434	-	-	637.351.856.857	658.001.783.291
Tổng tài sản hợp nhất	50.647.685.830.970	3.441.859.756.626	24.396.894.497	(3.447.991.322.473)	50.665.951.159.620
Nợ phải trả					
Nợ ngắn hạn	15.071.954.568.377	780.646.616.480	568.350.497	(1.893.991.794.600)	13.959.177.740.754
Nợ dài hạn	7.754.306.148.166	1.555.662.799.930	13.295.339.379	-	9.323.264.287.475
Tổng nợ phải trả hợp nhất	22.826.260.716.543	2.336.309.416.410	13.863.689.876	(1.893.991.794.600)	23.282.442.028.229

Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất

	Kinh doanh khí và các sản phẩm khí VND	Hoạt động phụ trợ kinh doanh khí và các sản phẩm khí VND	Các hoạt động khác VND	Loại trừ nội bộ và điều chỉnh VND	Tổng cộng VND
Doanh thu					
Tổng doanh thu thuần	40.153.825.201.274	649.324.739.121	9.403.378.071	(4.140.491.789.241)	36.672.061.529.225
Doanh thu nội bộ	4.013.713.335.182	119.217.544.969	7.560.909.090	(4.140.491.789.241)	-
Doanh thu bán ra bên ngoài	36.140.111.866.092	530.107.194.152	1.842.468.981	-	36.672.061.529.225
Chi phí kinh doanh	34.472.616.979.965	605.321.051.307	10.319.159.837	(4.097.050.704.937)	30.991.206.486.172
- Giá vốn hàng bán	33.024.829.450.578	567.080.793.152	568.664.700	(4.125.380.811.726)	29.467.098.096.704
- Chi phí bán hàng	631.295.272.629	878.842.380	-	(7.560.909.090)	624.613.205.919
- Chi phí quản lý doanh nghiệp	816.492.256.758	37.361.415.775	9.750.495.137	35.891.015.879	899.495.183.549
Kết quả hoạt động kinh doanh	5.681.208.221.309	44.003.687.814	(915.781.766)	(43.441.084.304)	5.680.855.043.053
Phần lợi nhuận trong các công ty liên kết					(2.208.377.687)
Doanh thu hoạt động tài chính					617.443.503.757
Chi phí tài chính					(257.088.435.661)
Lãi từ hoạt động khác					36.569.674.191
Lợi nhuận trước thuế TNDN					6.075.571.407.653
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp					1.149.930.731.926
Thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại					(2.456.119.393)
Lợi nhuận sau thuế TNDN					4.928.096.795.120

TỔNG CÔNG TY KHÍ VIỆT NAM - CÔNG TY CỔ PHẦN**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Tòa nhà PV GAS Tower, số 673 đường Nguyễn Hữu Thọ

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2012

Xã Phước Kiển, huyện Nhà Bè, thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

đến ngày 30 tháng 6 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN/HN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

30. LỢI ÍCH CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ

	30/6/2012	31/12/2011
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	775.377.185.300	772.377.185.300
Thặng dư vốn cổ phần	37.333.870.080	37.365.433.320
Quỹ đầu tư phát triển	327.593.530.481	178.287.165.203
Quỹ dự phòng tài chính	44.576.498.745	33.916.629.704
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	(7.993.460.959)	(14.353.832.780)
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	6.754.579.252	48.150.000
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	463.113.635.968	529.122.863.427
	1.646.755.838.867	1.536.763.594.174

31. DOANH THU THUẦN VỀ BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/6/2012 VND
Doanh thu bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	36.712.763.676.912
Doanh thu bán khí khô	20.154.937.211.526
Doanh thu bán LPG	14.414.241.012.801
Doanh thu vận chuyển khí	1.132.840.369.635
Doanh thu bán condensate	182.136.965.578
Doanh thu cho thuê tòa nhà PVGAS Tower	58.084.346.784
Doanh thu khác	770.523.770.588
Các khoản giảm trừ doanh thu	40.702.147.687
Chiết khấu thương mại	24.144.241.725
Thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế xuất khẩu	16.557.905.962
Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	36.672.061.529.225

Tổng Công ty xác định thời điểm ghi nhận doanh thu bán khí và vận chuyển khí Nam Côn Sơn là thời điểm phát hành hoá đơn theo hướng dẫn tại Công văn số 5110-TC/TCT ngày 16 tháng 5 năm 2003 của Bộ Tài chính. Theo đó, doanh thu và giá vốn của hoạt động bán khí và vận chuyển khí Nam Côn Sơn phát sinh trong tháng 5 và tháng 6 năm 2012 chưa được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất của Tổng Công ty cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2012 đến ngày 30 tháng 6 năm 2012 với số tiền lần lượt là 3.867 tỷ đồng và 2.736 tỷ đồng (doanh thu và giá vốn phát sinh trong tháng 11 và tháng 12 năm 2011 được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất của Tổng Công ty cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2012 đến ngày 30 tháng 6 năm 2012 với số tiền lần lượt là 3.137 tỷ đồng và 2.699 tỷ đồng).

32. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	Từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/6/2012 VND
Giá vốn bán khí khô	16.013.259.021.309
Giá vốn bán LPG	12.506.032.208.969
Giá vốn vận chuyển khí	212.556.721.267
Giá vốn bán condensate	88.672.201.222
Giá vốn cho thuê tòa nhà PVGAS Tower	24.897.978.937
Giá vốn khác	621.679.965.000
	29.467.098.096.704

TỔNG CÔNG TY KHÍ VIỆT NAM - CÔNG TY CỔ PHẦN

Tòa nhà PV GAS Tower, số 673 đường Nguyễn Hữu Thọ

Báo cáo tài chính hợp nhất

Xã Phước Kiển, huyện Nhà Bè, thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2012

đến ngày 30 tháng 6 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***33. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH****Từ ngày 01/01/2012****đến ngày 30/6/2012****VND**

Lãi tiền gửi, tiền cho vay	586.216.739.710
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	23.111.810.574
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	1.918.562.473
Cổ tức, lợi nhuận được chia	6.196.391.000
	617.443.503.757

34. CHI PHÍ TÀI CHÍNH**Từ ngày 01/01/2012****đến ngày 30/6/2012****VND**

Chi phí lãi vay	213.547.957.005
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	33.871.630.894
Chi phí tài chính khác	9.668.847.762
	257.088.435.661

35. THU NHẬP KHÁC**Từ ngày 01/01/2012****đến ngày 30/6/2012****VND**

Thu từ thanh lý tài sản	17.792.219.409
Thu tiền phạt, bồi thường theo hợp đồng	3.339.801.834
Thu nhập khác	35.786.935.112
	56.918.956.355

36. CHI PHÍ KHÁC**Từ ngày 01/01/2012****đến ngày 30/6/2012****VND**

Lỗ do thanh lý tài sản cố định	16.045.506.993
Chi phí khác	4.303.775.171
	20.349.282.164

37. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP**Từ ngày 01/01/2012****đến ngày 30/6/2012****VND**

Lợi nhuận trước thuế	6.075.571.407.653
Trừ: Thu nhập không chịu thuế	(20.865.839.232)
Cộng: Các khoản chi phí không được khấu trừ từ kỳ trước chuyển sang	25.810.289.683
Thu nhập chịu thuế	6.080.515.858.104
Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	1.149.930.731.926

Tổng Công ty có nghĩa vụ phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo tỷ lệ 25% tính trên thu nhập chịu thuế. Tổng Công ty có các khoản ưu đãi thuế lớn như sau:

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***37. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (Tiếp theo)****(i) Công ty mẹ - Tổng Công ty được ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp như sau:**

Tổng Công ty được hưởng thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp ưu đãi là 20% đối với Dự án Trung tâm Phân phối Khí Phú Mỹ theo Giấy chứng nhận ưu đãi đầu tư số 8898-BKH/DN ngày 31 tháng 12 năm 2001, Dự án Dịch vụ Vận chuyển condensate Nam Côn Sơn theo Giấy chứng nhận ưu đãi đầu tư số 3399-BKH/DN ngày 28 tháng 5 năm 2002 và Dự án Đường ống dẫn khí Nam Côn Sơn theo Giấy chứng nhận ưu đãi đầu tư số 6011-BKH/DN ngày 18 tháng 9 năm 2002 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư. Ngoài ra, Tổng Công ty được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 3 năm kể từ khi có thu nhập chịu thuế và giảm 50% cho 7 năm tiếp theo đối với Dự án Đường ống dẫn khí Nam Côn Sơn.

Tổng Công ty được hưởng ưu đãi miễn thuế thu nhập doanh nghiệp 3 năm kể từ khi có thu nhập chịu thuế và giảm 50% trong 7 năm tiếp theo đối với Dự án Trạm nạp LPG Thị Vải theo Giấy chứng nhận ưu đãi đầu tư số 49221000055 ngày 10 tháng 8 năm 2007. Tổng Công ty Khí Việt Nam - Công ty TNHH Một thành viên (đơn vị cổ phần hóa) đã đăng ký bắt đầu áp dụng ưu đãi miễn thuế đối với Dự án từ năm 2010 và Tổng Công ty được kế thừa ưu đãi này.

Tổng Công ty được hưởng ưu đãi miễn thuế thu nhập doanh nghiệp 3 năm kể từ khi có thu nhập chịu thuế và giảm 50% trong 7 năm tiếp theo đối với Dự án Hệ thống Phân phối khí thấp áp Giai đoạn 2 theo Giấy chứng nhận ưu đãi đầu tư số 49221000047 ngày 02 tháng 7 năm 2007. Tổng Công ty Khí Việt Nam - Công ty TNHH Một thành viên đã đăng ký bắt đầu áp dụng ưu đãi miễn thuế đối với Dự án từ năm 2010 và Tổng Công ty được kế thừa ưu đãi này.

Tổng Công ty được hưởng ưu đãi miễn thuế thu nhập doanh nghiệp 1 năm kể từ khi có thu nhập chịu thuế và giảm 50% trong 2 năm tiếp theo đối với Dự án Đường ống dẫn khí Sư Tử Đen/Sư Tử Vàng - Rạng Đông theo Giấy chứng nhận ưu đãi đầu tư số 491210000102 ngày 08 tháng 5 năm 2008. Tổng Công ty Khí Việt Nam - Công ty TNHH Một thành viên đã đăng ký bắt đầu áp dụng ưu đãi miễn thuế đối với Dự án từ năm 2010 và Tổng Công ty được kế thừa ưu đãi này.

Tổng Công ty được hưởng ưu đãi miễn thuế thu nhập doanh nghiệp 2 năm kể từ khi có thu nhập chịu thuế và giảm 50% trong 3 năm tiếp theo đối với Dự án Đường ống dẫn khí PM3 - Cà Mau theo Giấy chứng nhận ưu đãi đầu tư số 61101000095 ngày 09 tháng 02 năm 2010. Tổng Công ty Khí Việt Nam - Công ty TNHH Một thành viên đã đăng ký bắt đầu áp dụng ưu đãi miễn thuế đối với Dự án từ năm 2010 và Tổng Công ty được kế thừa ưu đãi này.

(ii) Công ty con - PVGAS South được ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp như sau:

Theo Giấy chứng nhận đầu tư cho hoạt động kinh doanh khí CNG, hoạt động kinh doanh khí CNG sẽ được hưởng thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 20% trong suốt thời gian hoạt động, được miễn thuế hai năm và giảm 50% cho sáu năm tiếp theo kể từ năm đầu tiên có thu nhập chịu thuế.

Công ty Cổ phần CNG Việt Nam - công ty con của PVGAS South có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp hàng năm theo thuế suất 20% tính trên thu nhập chịu thuế trong vòng 10 năm kể từ khi đi vào hoạt động và theo tỷ lệ 25% cho các năm tiếp theo. Ngoài ra, Công ty Cổ phần CNG Việt Nam được miễn thuế thu nhập trong 2 năm kể từ năm đầu tiên kinh doanh có lãi và được giảm 50% thuế suất áp dụng nêu trên cho 6 năm tiếp theo.

(iii) Công ty con - PV Pipe được ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp như sau:

Theo Giấy chứng nhận đầu tư số 53101000116 ngày 21 tháng 10 năm 2010 của UBND tỉnh Tiền Giang, Công ty được hưởng ưu đãi đầu tư đối với dự án đầu tư trên địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn (huyện Gò Công, tỉnh Tiền Giang). Công ty được hưởng ưu đãi về thuế suất và thời gian miễn thuế thu nhập doanh nghiệp theo quy định của của Nghị định số 124/2008/NĐ-CP ngày 11 tháng 12 năm 2008 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp. Cụ thể: Thuế suất ưu đãi 20% áp dụng trong thời gian 10 năm được tính liên tục từ năm đầu tiên doanh nghiệp có doanh thu từ hoạt động được hưởng ưu đãi thuế, miễn thuế 2 năm, giảm 50% số thuế phải nộp trong 4 năm tiếp theo. Thời gian miễn thuế, giảm thuế được tính liên tục từ năm đầu tiên doanh nghiệp có thu nhập chịu thuế từ dự án đầu tư; trường hợp doanh nghiệp không có thu nhập chịu thuế trong ba năm đầu, kể từ năm đầu tiên có doanh thu từ dự án thì thời gian miễn thuế, giảm thuế được tính từ năm thứ tư.

TỔNG CÔNG TY KHÍ VIỆT NAM - CÔNG TY CỔ PHẦN

Tòa nhà PV GAS Tower, số 673 đường Nguyễn Hữu Thọ

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2012

Xã Phước Kiển, huyện Nhà Bè, thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

đến ngày 30 tháng 6 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN/HN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

38. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	Từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/6/2012 VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế của Công ty mẹ	4.669.606.789.644
Lợi nhuận trả cho các bên tham gia liên doanh tòa nhà PVGas Tower	6.958.847.582
Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	4.662.647.942.062
Số cổ phiếu phổ thông bình quân lưu hành trong kỳ	1.895.000.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	2.461

39. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/6/2012 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	21.516.408.544.196
Chi phí nhân công	336.218.594.492
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.557.263.118.899
Chi phí dịch vụ mua ngoài	610.904.521.399
Chi phí khác	889.259.236.517
	24.910.054.015.503

40. CÁC KHOẢN CAM KẾT**i) Cam kết vốn**

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2012, Tổng Công ty có các khoản cam kết vốn liên quan tới một số hợp đồng đầu tư xây dựng cơ bản lớn đang thực hiện chưa hoàn thành sau:

	30/6/2012 VND	31/12/2011 VND
Kho chứa LPG lạnh	1.712.710.700.469	726.034.786.968
Đường ống dẫn khí Lô B - Ô Môn	417.171.803.948	164.505.330.445

(ii) Cam kết khác

Các khoản cam kết liên quan đến hoạt động kinh doanh và vận chuyển khí:

Cam kết mua hàng

Cam kết mua hàng	Sản lượng cam kết	Thời gian cam kết
Cam kết mua khí từ chủ khí Lô 06.1	Tối thiểu là 4 tỷ m ³ /năm	Đến ngày 30 tháng 6 năm 2014
Cam kết mua khí từ chủ khí Lô 11.2	Tối thiểu là 1,216 tỷ m ³ /năm	Đến hết Giai đoạn bình ổn của Lô 11.2
Cam kết mua khí từ chủ khí Lô PM3 CAA	Lượng khí cố định là 1,3 tỷ m ³ /năm; từ năm hợp đồng thứ 9 (từ ngày 01 tháng 4 năm 2011 đến ngày 31 tháng 3 năm 2012) là 1,664 tỷ m ³ /năm; từ năm hợp đồng thứ 10 trở đi (từ ngày 01 tháng 4 năm 2012 đến ngày 31 tháng 3 năm 2013) là 1,819 tỷ m ³ /năm).	Thời hạn 23 năm kể từ năm 2000
Cam kết mua khí từ chủ khí Lô 46 Cái Nước	Lượng khí cố định hàng năm là 0,206 tỷ m ³ /năm	Thời hạn 23 năm kể từ năm 2003

TỔNG CÔNG TY KHÍ VIỆT NAM - CÔNG TY CỔ PHẦN

Tòa nhà PV GAS Tower, số 673 đường Nguyễn Hữu Thọ

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2012

Xã Phước Kiển, huyện Nhà Bè, thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

đến ngày 30 tháng 6 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN/HN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

40. CÁC KHOẢN CAM KẾT (Tiếp theo)**Cam kết bán hàng**

Cam kết bán hàng	Sản lượng cam kết	Thời gian cam kết
Bán khí Nam Côn Sơn cho Tập đoàn Điện lực Việt Nam	Tối thiểu hàng năm là 1,85 tỷ m ³	Trong giai đoạn bình ổn theo hợp đồng
Bán khí Nam Côn Sơn cho Công ty TNHH Phú Mỹ 3 BOT Power (PM3 BOT)	Tối thiểu hàng năm là 0,85 tỷ m ³	Đến năm 2023
Bán khí Nam Côn Sơn cho Công ty TNHH Năng lượng Mekong (PM 2.2 BOT)	Tối thiểu hàng năm là 0,85 tỷ m ³	Đến năm 2023
Bán khí Nam Côn Sơn cho Tổng Công ty Điện Lực Dầu Khí Việt Nam	Tối thiểu hàng năm là 0,447 tỷ m ³	Trong giai đoạn bình ổn theo Hợp đồng
Bán khí Nam Côn Sơn cho Công ty Cổ Phần Điện Lực Dầu Khí Nhơn Trạch 2	Tối thiểu hàng năm là 0,785 tỷ m ³	Đến 30 tháng 6 năm 2014
Bán khí PM3 CAA và Lô 46 Cái Nước cho Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam	Lượng khí cố định hàng năm là 1,5 tỷ m ³	Đến năm 2023
Bán khí PM3 CAA và Lô 46 Cái Nước cho Công ty TNHH MTV Phân bón Dầu khí Cà Mau	Lượng khí cố định hàng năm là 457,38 tỷ m ³	Đến năm 2023

41. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**Quản lý rủi ro vốn**

Tổng Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Tổng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Tổng Công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay như đã trình bày tại Thuyết minh số 20 và số 27 trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền) và phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông của Tổng Công ty (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Tổng Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính và công nợ tài chính được trình bày tại Thuyết minh số 3.

TỔNG CÔNG TY KHÍ VIỆT NAM - CÔNG TY CỔ PHẦN

Tòa nhà PV GAS Tower, số 673 đường Nguyễn Hữu Thọ

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2012

Xã Phước Kiển, huyện Nhà Bè, thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

đến ngày 30 tháng 6 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN/HN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

41. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**Các loại công cụ tài chính**

	Giá trị ghi sổ 30/6/2012	Giá trị ghi sổ 31/12/2011
	VND	VND
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	11.909.916.407.311	10.045.200.208.018
Đầu tư ngắn hạn	154.523.200.000	317.329.590.057
Phải thu khách hàng và phải thu khác	10.505.187.473.373	6.216.200.126.626
Đầu tư dài hạn	920.626.003.780	867.138.815.736
Tài sản tài chính khác	414.886.286.446	478.761.148.691
Tổng cộng	23.905.139.370.910	17.924.629.889.128
Công nợ tài chính		
Các khoản vay	10.384.332.356.522	11.016.715.392.812
Phải trả người bán và phải trả khác	10.115.434.736.150	6.991.903.184.983
Chi phí phải trả	1.443.583.734.819	1.042.983.577.594
Tổng cộng	21.943.350.827.491	19.051.602.155.389

Tổng Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc kỳ kế toán do Thông tư 210 cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính của Tổng Công ty bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Rủi ro thị trường

Tổng Công ty đã thực hiện đánh giá một cách thận trọng các rủi ro thị trường liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh và cho rằng Tổng Công ty không có rủi ro trọng yếu nào liên quan đến sự biến động của tỷ giá và sự thay đổi về giá cả của hàng hóa.

Quản lý rủi ro lãi suất

Tổng Công ty chịu rủi ro lãi suất trọng yếu phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Tổng Công ty chịu rủi ro lãi suất khi Tổng Công ty vay vốn theo lãi suất thả nổi và lãi suất cố định. Rủi ro này sẽ do Tổng Công ty quản trị bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay lãi suất cố định và lãi suất thả nổi.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Tổng Công ty. Tổng Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Tổng Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Tổng Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn khách hàng hoạt động trong nhiều ngành khác nhau và phân bố ở các khu vực địa lý khác nhau.

TỔNG CÔNG TY KHÍ VIỆT NAM - CÔNG TY CỔ PHẦN

Báo cáo tài chính hợp nhất

Tòa nhà PV GAS Tower, số 673 đường Nguyễn Hữu Thọ

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2012

Xã Phước Kiển, huyện Nhà Bè, thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

đến ngày 30 tháng 6 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Mẫu số B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

41. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**Quản lý rủi ro thanh khoản**

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Tổng Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Tổng Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Tổng Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Tổng Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Bảng được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Tổng Công ty phải trả. Bảng trình bày dòng tiền của các khoản gốc.

30/6/2012	Dưới 1 năm VND	Trên 1 năm VND	Tổng VND
Công nợ tài chính			
Các khoản vay	2.682.364.100.545	7.701.968.255.977	10.384.332.356.522
Phải trả người bán và phải trả khác	8.649.131.674.823	1.466.303.061.327	10.115.434.736.150
Chi phí phải trả	1.443.583.734.819	-	1.443.583.734.819
	12.775.079.510.187	9.168.271.317.304	21.943.350.827.491
31/12/2011	Dưới 1 năm VND	Trên 1 năm VND	Tổng VND
Công nợ tài chính			
Các khoản vay	2.866.904.584.313	8.149.810.808.499	11.016.715.392.812
Phải trả người bán và phải trả khác	5.535.022.269.972	1.456.880.915.011	6.991.903.184.983
Chi phí phải trả	1.042.983.577.594	-	1.042.983.577.594
	9.444.910.431.879	9.606.691.723.510	19.051.602.155.389

Ban Tổng Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng Tổng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

Bảng sau đây trình bày chi tiết mức đáo hạn cho tài sản tài chính phi phái sinh. Bảng được lập trên cơ sở mức đáo hạn theo hợp đồng chưa chiết khấu của tài sản tài chính chưa gồm lãi từ các tài sản đó. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Tổng Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

30/6/2012	Dưới 1 năm VND	Trên 1 năm VND	Tổng VND
Tài sản tài chính			
Tiền và các khoản tương đương tiền	11.909.916.407.311	-	11.909.916.407.311
Đầu tư ngắn hạn	154.523.200.000	-	154.523.200.000
Phải thu khách hàng và phải thu khác	10.505.187.473.373	-	10.505.187.473.373
Đầu tư dài hạn	-	920.626.003.780	920.626.003.780
Tài sản tài chính khác	414.886.286.446	-	414.886.286.446
	22.984.513.367.130	920.626.003.780	23.905.139.370.910
31/12/2011	Dưới 1 năm VND	Trên 1 năm VND	Tổng VND
Tài sản tài chính			
Tiền và các khoản tương đương tiền	10.045.200.208.018	-	10.045.200.208.018
Đầu tư ngắn hạn	317.329.590.057	-	317.329.590.057
Phải thu khách hàng và phải thu khác	6.216.200.126.626	-	6.216.200.126.626
Đầu tư dài hạn	-	867.138.815.736	867.138.815.736
Tài sản tài chính khác	478.761.148.691	-	478.761.148.691
	17.057.491.073.392	867.138.815.736	17.924.629.889.128

TỔNG CÔNG TY KHÍ VIỆT NAM - CÔNG TY CỔ PHẦN

Tòa nhà PV GAS Tower, số 673 đường Nguyễn Hữu Thọ

Xã Phước Kiển, huyện Nhà Bè, thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2012

đến ngày 30 tháng 6 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***42. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

Trong kỳ, Tổng Công ty đã có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

Từ ngày 01/01/2012**đến ngày 30/6/2012****VND****Bán hàng**

Tổng Công ty Thăm dò và Khai thác Dầu khí	8.238.023.909
Tổng Công ty Cổ phần Phân bón và Hoá chất Dầu khí	1.457.966.658.209
Tổng Công ty Dầu Việt Nam	182.206.729.477
Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam	386.484.302.193
Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam	5.212.516.212.513
Tổng Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí	346.819.993.254
Công ty Cổ phần Hoá dầu và Xơ sợi Dầu khí	85.591.892.993

Mua hàng

Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	933.361.421.445
Tổng Công ty Thăm dò và Khai thác Dầu khí	3.563.857.268.292
Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí	386.271.803.256
Công ty TNHH MTV Lọc hóa dầu Bình Sơn	3.832.866.654.362
Xí nghiệp Việt-Nga VietsovPetro	72.342.003.754
Công ty TNHH MTV Thương mại và Dịch vụ Dầu khí biển	37.950.165.096
Tổng Công ty Dầu Việt Nam	43.433.430.118

Thu nhập của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng giám đốc

3.369.205.213

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN/HN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

42. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (Tiếp theo)

Số dư chủ yếu với các bên liên quan tại ngày 30 tháng 6 năm 2012 như sau:

	30/6/2012 VND	31/12/2011 VND
Các khoản phải thu		
Công ty Điện lực Dầu khí Cà Mau	3.332.730.397.294	1.154.163.132.997
Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2	1.144.820.513.448	300.023.952.348
Công ty Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch	433.942.947.830	165.577.192.223
Công ty TNHH MTV Phân bón Dầu khí Cà Mau	1.190.432.130.763	62.180.376.705
Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - Công ty cổ phần	264.687.067.499	195.468.590.693
Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí	150.962.737.554	100.630.797.547
Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Dầu khí	1.980.000.000	62.300.330.400
Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam	96.337.715.009	46.274.800.000
Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Dầu khí	49.998.681.817	49.998.681.817
Tổng Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí	98.745.172.382	-
Tổng Công ty Tư vấn Thiết kế Dầu khí - Công ty cổ phần	41.753.806.231	-
Công ty Cổ phần Hoá dầu và Xơ sợi Dầu khí	27.617.030.195	-
Các khoản phải trả		
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	1.320.321.816.690	894.818.602.495
- Phí quản lý	117.340.987.458	45.128.506.078
- Vốn cấp cho BQLDA khí Đông Nam Bộ	44.264.383.269	44.264.383.269
- Tiền mua khí	807.697.441.843	508.230.740.004
- Phải trả khác tại PVGAS South	5.115.068.839	2.249.243.431
- Phải trả về cổ phần hóa	-	294.945.729.713
- Chi phí thu gom Rong Đồi Mồi	345.903.935.281	-
Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí	62.569.105.188	96.228.984.596
Công ty TNHH MTV Lọc hóa dầu Bình Sơn	142.648.538.169	702.015.053.140
Tổng Công ty Thăm dò và Khai thác Dầu khí	3.172.552.076.086	132.565.294.118
Công ty Điện lực Dầu khí Cà Mau	-	248.070.281.647
Công ty Cổ phần Tư vấn và Thiết kế Dầu khí	148.340.617.750	127.928.474.017
Công ty Cổ phần Kết cấu Kim loại và Lắp ráp máy Dầu khí	-	80.000.000.000
Công ty Cổ phần Xây dựng Công nghiệp và Dân dụng Dầu Khí	-	40.000.000.000
Tổng Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí	17.280.845.522	-
Các khoản ủy thác đầu tư		
Tổng Công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí	787.003.200.000	350.772.275.057
Công ty Cổ phần Đầu tư Tài chính Công đoàn Dầu khí	58.000.000.000	50.000.000.000
Các khoản vay		
Tổng Công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí	1.859.103.978.575	2.350.208.932.728

TỔNG CÔNG TY KHÍ VIỆT NAM - CÔNG TY CỔ PHẦN

Tòa nhà PV GAS Tower, số 673 đường Nguyễn Hữu Thọ

Xã Phước Kiển, huyện Nhà Bè, thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2012

đến ngày 30 tháng 6 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***43. SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN**

Vào ngày 21 tháng 8 năm 2012, Hội đồng Quản trị Tổng Công ty đã thông qua Nghị quyết số 98/NQ-KVN về việc Phê duyệt tạm ứng cổ tức năm 2012 bằng tiền mặt với tỷ lệ bằng 10% vốn điều lệ.

44. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất và các thuyết minh tương ứng là số liệu báo cáo tài chính hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 đã được kiểm toán.

Tổng Công ty chính thức chuyển thành Công ty cổ phần kể từ ngày 16 tháng 5 năm 2011, do vậy Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và các thuyết minh tương ứng cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2012 đến ngày 30 tháng 6 năm 2012 không có số liệu so sánh do không có kỳ kế toán tương ứng.



Đỗ Khang Ninh
Tổng Giám đốc

Ngày 28 tháng 8 năm 2012

Mai Hữu Ngạn
Kế toán trưởng